



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Tài nguyên văn hoá vật thể khu vực Tây sông Hậu trong phát triển du lịch bền vững
Trần Trọng Lễ^{1*}

¹Khoa Du lịch, Trường Đại học Văn Hiến

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Trần Trọng Lễ (email: Trantronglek8@gmail.com)

Ngày nhận bài: 21/9/2024

Ngày phản biện: 20/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/12/2024

Title: Tangible cultural resource in the Western area of Hau river in sustainable tourism development

Keywords: Hau river, sustainable tourism, tangible cultural resource, western land

Từ khóa: du lịch bền vững, đất Tây sông Hậu, tài nguyên, văn hóa vật thể

ABSTRACT

The western region along the Hau River is a melting pot of various cultural influences, ranging from the Oc Eo - Phu Nam culture to Chan Lap, Dai Viet, and Vietnam. This area is home to a diverse population, including Vietnamese, Khmer, Chinese, Cham, and other ethnic groups. The focus of this article is to examine the utilization of tangible cultural resources in the western region of the Hau River for the purpose of sustainable tourism development. Drawing from both primary and secondary sources, the article analyzes and synthesizes the tangible cultural resources in order to propose solutions for sustainable tourism development.

TÓM TẮT

Vùng đất Tây sông Hậu chịu ảnh hưởng của nhiều tầng lớp văn hóa khác nhau từ văn hóa Óc Eo - Phù Nam, Chân Lạp đến Đại Việt và Việt Nam với sự chung sống của người Việt, người Khmer, người Hoa, người Chăm và một số dân tộc khác. Bài viết tập trung tìm hiểu việc khai thác tài nguyên văn hóa vật thể vùng đất phía Tây sông Hậu để phát triển du lịch bền vững. Trên cơ sở các nguồn sơ cấp và thứ cấp, bài viết phân tích, tổng hợp tài nguyên văn hóa vật thể vùng đất Tây sông Hậu nhằm phát triển du lịch bền vững tại các địa phương vùng đất phía Tây sông Hậu. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp khai thác nguồn tài nguyên văn hóa vật thể vùng đất phía Tây sông Hậu trong phát triển du lịch bền vững.

1. GIỚI THIỆU

Vùng đất Tây sông Hậu là khu vực nằm về phía hữu ngạn sông Hậu. Đây là địa bàn chịu tác động bởi nhiều cơ tầng văn hóa khác nhau từ văn hóa Phù Nam, Chân Lạp rồi đến Đại Việt và Việt Nam. Khu vực Tây sông Hậu có địa hình khá đa dạng: đồng bằng, đồi núi, ven biển giới, ven biển và hải đảo, thuộc các tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên, U Minh, Tây Nam sông Hậu. Hiện nay, Tây sông Hậu bao gồm 7 đơn vị hành chính là thành phố Cần Thơ và các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau với tổng diện tích 23.063,5 km², dân số 8.606.000 người (Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê năm 2019). Cư dân trên địa bàn gồm các tộc người Việt - Khmer - Hoa - Chăm và một ít các tộc người khác cư trú xen kẽ với nhau trên các địa hình khác nhau. Nhìn chung, cộng đồng cư dân đã thích nghi với môi trường sinh thái địa phương để tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của vùng đất Tây sông Hậu.

Trên cơ sở phân tích và tổng hợp nguồn tư liệu sơ cấp và thứ cấp về các chuyên khảo địa phương, công trình nghiên cứu lịch sử và văn hóa Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long) và Nam Bộ, bài viết tập trung làm rõ việc khai thác đặc trưng tài nguyên văn hóa vật thể để đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững. Đồng thời, bài viết khảo sát việc bảo tồn và phát huy các tài nguyên văn hóa vật thể của các bên liên quan (chính quyền địa phương, đơn vị kinh doanh du lịch, cộng đồng cư dân, du khách) trong phát triển du lịch bền vững. Từ đó, bài viết đưa ra một số giải pháp khai thác tài nguyên văn hóa vật thể trong xây dựng sản phẩm du lịch bền vững ở khu vực Tây sông Hậu trong thời kỳ đương đại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Quan sát khách quan - tham dự: Tác giả đã tổ chức các chuyến đi thực địa (khảo sát điền dã, du khảo kết hợp hướng dẫn du khách) để ghi lại các nội dung về giá trị văn hóa vật thể trong biên bản quan sát - tham dự và phỏng vấn du khách từ các chuyến khảo sát thực tế.

- Phỏng vấn sâu (in - depth interview method): Tác giả thực hiện các cuộc phỏng vấn (ghi Biên bản phỏng vấn) chủ yếu là những người dân làm du lịch cộng đồng, có trải nghiệm với du khách, có kinh nghiệm trong kinh doanh du lịch và quản lý Nhà nước về du lịch. Phương pháp tham vấn chuyên gia về nội dung của giá trị văn hóa vật thể trong phát triển du lịch bền vững khu vực Tây sông Hậu.

- Phân tích hệ thống - cấu trúc (system-structure analysis method): Được vận dụng để khảo sát đối tượng nghiên cứu là việc khai thác tài nguyên văn hóa vật thể ở khu vực Tây sông Hậu trong quan hệ tương tác với các tộc người, khách du lịch, công ty du lịch - lữ hành, ngành du lịch địa phương, cư dân địa phương tham gia hoạt động du lịch để làm rõ đặc trưng tài nguyên văn hóa vật thể ở khu vực Tây sông Hậu trong phát triển du lịch bền vững.

2.1 Tài nguyên văn hóa vật thể

Ngày nay, các tác giả đã phân chia văn hóa ra thành nhiều thành tố để xây dựng một mô hình cấu trúc cho nghiên cứu văn hóa (culture) hoặc các nền văn hóa (cultures). Để phân loại các hoạt động văn hóa, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã sử dụng tiêu chí “tính vật thể” để phân chia văn hoá của các cộng đồng người thành hai nhóm: *Văn hoá vật thể (tangible culture, tangibles)* và *Văn hoá phi vật thể (intangible culture, intangibles)* (Lý Tùng Hiếu, 2019) [5].

Từ quan niệm của các học giả về tài nguyên văn hóa (Smith, 2009; King, 2011 được trích dẫn bởi Csapo, 2012) [12],[4],[1], tài nguyên văn hóa bao gồm di tích lịch sử văn hóa, hàng lưu niệm mang tính đặc thù dân tộc, ẩm thực, lễ hội, các trò chơi giải trí, phong tục, tập quán, cách ứng xử, giao tiếp, tín ngưỡng, tôn giáo, văn học - nghệ thuật,... Trên cơ sở thành tố văn hoá, tài nguyên văn hóa vật thể có thể gồm có các tài nguyên mưu sinh, ẩm thực, phục sức, cư trú, kiến trúc, giao thông.....

Theo Luật Du lịch Việt Nam (2017) [5], tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch. Như vậy, có thể cho rằng các đối tượng văn hóa, tài nguyên văn hóa được xem là cơ sở cho tài nguyên du lịch văn hóa.

2.2 Các lý thuyết về phát triển du lịch bền vững

Khung lý thuyết về phát triển bền vững (sustainable development) được đưa ra từ giữa thế kỷ XX đến nay thông qua một loạt sáng kiến, hội nghị quốc tế, và tiếp tục được chi tiết hóa và triển khai cụ thể vào thế kỷ XXI. Trong ngành du lịch và lữ hành, theo UNWTO (1998), các nguyên tắc phát triển bền vững được áp dụng trong các quy hoạch và phát triển du lịch. Du lịch bền vững được xem như một cách tiếp cận tổng thể (Xiongbin, 2016) [16], và sử dụng hợp lý môi trường, có sự bền vững về văn hóa, xã hội và kinh tế (Jianwei et al., 2018) [3]. Để du lịch bền vững thực sự trở thành một triết lý thực hành tất cả các hình thức du lịch đại chúng, cần có sự tham gia của nhiều chủ thể (Dorin, 2014) [2]. Các định nghĩa về du lịch bền vững nhấn mạnh đến các đặc điểm: Chất lượng -

tính liên tục - cân bằng, mục tiêu chung và sự hợp tác giữa du khách, cộng đồng chủ nhà và điểm đến.

Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (2013) [15], khái niệm du lịch bền vững được sử dụng cho định nghĩa về phát triển du lịch bền vững như sau: Phát triển du lịch bền vững đáp ứng nhu cầu của khách du lịch hiện tại và khu vực chủ nhà trong khi bảo vệ và tăng cường cơ hội cho tương lai. Nó được dự tính là dẫn đến quản lý tất cả các nguồn lực theo cách mà nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ có thể được thực hiện trong khi duy trì tính toàn vẹn văn hóa, các quy trình sinh thái thiết yếu, đa dạng sinh học và các hệ thống hỗ trợ sự sống (UNWTO, 2013, 1998) [15].

Theo Luật Du lịch Việt Nam (2017) [5]: Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai. Về sản phẩm du lịch bền vững, theo UNWTO (trích dẫn bởi Maria, 2006) [7]: Một sản phẩm du lịch bền vững hoạt động hài hòa với môi trường, cộng đồng và văn hóa địa phương, để những người này trở thành người hưởng lợi lâu dài chứ không phải nạn nhân của phát triển du lịch.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng khai thác tài nguyên văn hóa vật thể khu vực Tây sông Hậu trong phát triển du lịch bền vững

Cộng đồng cư dân Tây sông Hậu đã tích lũy tri thức trong khai khẩn các vùng môi sinh phù sa nước ngọt của Tứ giác Long Xuyên, Tây Nam sông Hậu, vùng đồi núi Thất Sơn, vùng nước mưa nhiễm mặn của dải đất ven biển, vùng “trũng treo” U Minh, gò đất cao ven biển Tây

và vùng biển đảo từ rất sớm để tạo nên những sắc thái tài nguyên văn hóa vật thể trong phát triển du lịch Tây sông Hậu thời kỳ đương đại. Về tài nguyên văn hóa mưu sinh, cư dân địa phương đã phát kiến sản xuất trên đất phèn, đất thiếu nước ngọt, vùng nước lợ, đất ngập mặn, vùng có hai mùa mặn - ngọt để trồng lúa, cây ăn trái, hoa màu, nuôi thủy hải sản, hoặc kết hợp mô hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Cư dân Tây sông Hậu có phương thức đánh bắt, các loại ngư cụ, hình thức nuôi trồng thủy hải sản khác nhau. Người Khmer, người Hoa dùng lưới dày bắt ruốc và xiệp thưa bắt tôm, cá lù đù, cá bẹ; bắt nghêu, sò bằng cào, móc; nghề đánh bắt hải sản gồm có 6 họ nghề (lưới kéo, lưới vây, lưới rê, lưới vó, nghề cố định và nghề câu). Một bộ phận cư dân các huyện An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận vào rừng U Minh Thượng để bắt cá, đốt ong, săn thú.

Cư dân cũng tiến hành chuyển đổi từ trồng lúa sang cây hàng năm, cây lâu năm để khai thác đất trồng lúa kém hiệu quả, đất ven biển thiếu nước ngọt và kết hợp nuôi thủy sản trên đất lúa, như mô hình sản xuất luân canh (01 vụ tôm - 01 vụ lúa hoặc xen canh lúa - tôm, lúa - cá...), mô hình kết hợp nuôi tôm - rừng ("tôm sinh thái", tôm - cua - rừng,...), mô hình nuôi ba khía ở rừng ngập mặn, như các huyện An Biên - An Minh - Vĩnh Thuận - U Minh Thượng,...

Nhiều hộ dân làm du lịch tổ chức cho du khách trải nghiệm hoạt động nuôi và đánh bắt thủy hải sản ở các vùng môi sinh khác nhau, như đánh bắt cá, đặt lò, đặt lợp, đặt vó, đặt dớn, giăng lưới, cắm câu, cách di chuyển để bắt thủy sản ở bãi bồi, trải nghiệm vườn trái cây theo mùa, nuôi thủy sản trong lồng bè,... Chẳng hạn, nhà vườn làm du lịch ở cồn Sơn cải tạo ao mương trong vườn trái cây, nuôi cá trong môi trường tự nhiên để du khách trải nghiệm du lịch

ở miệt vườn: Du khách phải lội xuống mương có sinh để bắt cá; mương nuôi cá được mở nước thông với sông Hậu để cá ra vô (Tài liệu điền dã) [13]. Du khách được hướng dẫn trải nghiệm cách lựa chọn hái trái cây, kỹ thuật chăm sóc một số loại cây trồng tại vườn, và chia sẻ kỹ thuật trồng và thu hoạch hoa kiểng, rau màu cùng với nông dân, như nông trại Phan Nam, các loại rau thủy canh của cơ sở Minh Hòa. Nhiều nhà vườn có đăng ký sản phẩm OCOP, như nhà vườn ở cồn Sơn. Mặt khác, nhiều hộ làm du lịch, khu du lịch liên kết với các hộ gia đình có vườn trái cây, rừng tràm, bè nuôi cá... để tổ chức cho khách tham quan trải nghiệm văn hóa nông thôn.

Ở vùng đất U Minh, du khách có thể tìm hiểu nghề ăn ong trên đất rừng tràm của các hộ gia đình. Dịch vụ tham quan rừng tràm được kết hợp với các hộ trồng rừng tràm khác để đưa khách vào tham quan, có trả phí để chia sẻ cho người dân (Tài liệu điền dã) [13]. Ngoài ra, tùy theo mùa, du khách có thể tham gia các hoạt động trải nghiệm vào buổi tối, như đặt rạp chuột, đi soi chuột. Đối với nghề làm bánh dân gian, du khách được nghệ nhân hướng dẫn cách làm bánh kẹp, bánh khọt, bánh hời, và giới thiệu nguyên liệu của các loại bánh dân gian, kỹ năng làm bánh, thưởng thức bánh dân gian tại điểm nhà vườn: Cái khuôn nướng bánh của gia đình làm bánh thường xuyên và không cần dùng mỡ nên cái bánh ngon xốp (Tài liệu điền dã) [13].

Tuy nhiên, nghề đan lát vẫn chưa được tổ chức để giới thiệu một cách rộng rãi đến du khách, làm quà lưu niệm..., như đan cần xé đựng xoài, trái cây ở xã Đại Tâm (H. Mỹ Xuyên), đan lát ở xã Phú Tân, mê bồ ở xã Biên Bạch, nghề làm giỏ từ vỏ bàng ở Phú Mỹ (H. Giang Thành), đan rổ, đan thúng loại nhỏ ở H. Hồng Dân, đan cần xé với kiểu dáng nhỏ

ở TP. Ngã Bảy: Nhiều người dân ở xóm vườn có nguồn thu nhập và sống bằng nghề đưng cần xé lớn để chở thanh long hoặc trái cây (Tài liệu điền dã) [13].

Ngoài ra, chợ nổi là một nét văn hóa đặc trưng, như chợ nổi Châu Đốc, Cái Răng, Ngã Bảy (chợ nổi Phụng Hiệp), chợ nổi ở Miệt Thứ,... Hoạt động thương hồ của người Việt gắn liền với văn hóa tộc người Việt, làm khác biệt với các cộng đồng cư dân khác cùng cư trú nơi đây (Ngô Văn Lê, 2017) [8]. Các doanh nghiệp du lịch lữ hành đồng thuận rằng chợ nổi trên sông là điểm tham quan đặc sắc trong chương trình du lịch để giới thiệu cho du khách đến địa phương. Nhiều cuộc thảo luận về chợ nổi được tổ chức để phát triển điểm đến du lịch chợ nổi, như bảo tồn chợ nổi Cái Răng, khôi phục chợ nổi Ngã Bảy, chợ nổi Ngã Năm. Các bên liên quan cần thực hiện bảo tồn và khôi phục giá trị văn hóa chợ nổi để phát triển du lịch địa phương. Tài nguyên văn hóa mưu sinh gắn với nghề nông, nghề đánh bắt thủy hải sản, nghề buôn bán cần được phát huy trong phát triển du lịch văn hóa nông thôn.

Về tài nguyên văn hóa ẩm thực, cư dân Tây sông Hậu có những đặc trưng văn hóa ẩm thực riêng từ cách chế biến ẩm thực đến món đặc sản: khẩu vị thay đổi từ trong nội đồng đến vùng ven biển, hải đảo: ăn ngọt - ăn mặn, món ăn nhẹ, món ăn chính. Một số sản vật được dùng làm món ăn địa phương, như cá linh mùa nước nổi, cá chốt, cá lóc, cá kèo, tôm sú, ba khía, các loại khô (khô cá, tôm khô,...), bông điên điển, thốt nốt, rượu gạo, rượu trái giác, rượu sim,... Nhiều món ăn được công nhận là món ăn đặc sản trong Top 100 món ăn đặc sản do Hội kỹ lục Việt Nam ghi nhận, như bánh cống, bún nước lèo, bánh tằm bì, cua Năm Căn Cà Mau; và các loại sản phẩm hải sản khô (tôm khô, khô cá, khô

mực,...). Ẩm thực được xem là tiêu chí hàng đầu để nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch phục vụ du khách. Đến nay, ẩm thực Tây sông Hậu chỉ mới được xem như một thành phần dịch vụ ăn uống trong du lịch. Nhiều loại nguyên liệu ẩm thực, món ăn, kỹ thuật chế biến món ăn dân gian trong đời sống văn hóa thường ngày được sử dụng để phục vụ du khách ở các điểm đến du lịch Tây sông Hậu. Hộ dân của điểm du lịch cộng đồng lấy hải sản từ nhiều vựa khác nhau để biết vựa có giá bán mắc hoặc rẻ: Nguồn cung hải sản qua lái hải sản hay người bán trực tiếp cũng như thời gian đi gom mua hải sản trực tiếp người làm ruộng, người đi đánh bắt xa bờ (Tài liệu điền dã) [13].

Nhiều hộ gia đình cũng công bố giá cả dịch vụ ăn uống cho các đối tượng du khách. Bảng giá dịch vụ hải sản được niêm yết giá và gắn ngay tại chỗ bán hải sản của điểm du lịch cộng đồng để Ban quản lý du lịch kiểm tra nhằm tránh tình trạng giá cả chênh lệch với nhau. Mỗi nhà vườn là một câu chuyện, món ăn, một sản phẩm để chia sẻ với nhau về thu nhập, công ăn việc làm, thu nhập để cuộc sống ổn định. Các nhà vườn ở cồn Sơn có các món cá lóc, món ếch, lẩu cua, cá tai tượng, bánh dân gian,... Khu du lịch Hương Tràm có một số món ăn đặc trưng ở U Minh, như lẩu mắm, ong non chiên, ốc bươu, lươn đồng, cá đồng,...

Đầu bếp ở một số điểm du lịch là người địa phương, có kinh nghiệm lâu năm với trải nghiệm làm việc thực tiễn từ lật rau, xào nấu, rồi lên đứng nấu chính: Người nấu ăn ở điểm vườn cũng tự làm, tự sáng kiến, tự học hỏi để làm những món ăn như tôm nướng, cá kho tộ, bánh xèo, bánh khọt. Du khách thường thích các món ăn dân dã ở các nhà vườn, như món gà xé phay: Con gà được nuôi thả ở trong vườn nhà (còn được gọi là gà vườn, gà chạy bộ), và chỉ ăn

sâu bọ, cỏ non. Các loại rau được trồng ở dưới nương trên đất vườn của gia đình như rau muống, tai tượng,...để ăn lẩu mắm: 10 người khách ăn lẩu mắm thì đã có 7 người khen là mừng rồi (Tài liệu điền dã) [13]. Lẩu mắm U Minh được Kỷ lục Guines Việt Nam công nhận là một trong 100 món ăn đặc sản Việt Nam (2020 - 2021) [13], và là lẩu mắm lớn nhất Việt Nam (năm 2022) được chế biến và nấu bởi Điểm du lịch Hương Tràm. Nhiều hộ dân cũng phải tìm hiểu thị hiếu, sở thích ẩm thực để chế biến ẩm thực phục vụ du khách theo kinh nghiệm của gia đình: Nhà bếp biết khách từ địa phương nào (miền Bắc, miền Trung) là nêm nếm cho phù hợp với khẩu vị của người địa phương đó. Du khách có thể tham gia chuẩn bị nguyên liệu ẩm thực, trang trí món ăn, bánh dân gian cùng với người dân địa phương tại nhà vườn, cơ sở sản xuất,...và thưởng thức bữa ăn theo không gian cư trú nông thôn để du khách có cảm giác như ở nhà, mang tính gia đình: Du khách sẽ phải tự phục vụ, tự bung món ăn (Tài liệu điền dã) [13]. Những giá trị văn hóa ẩm thực của cư dân có thể được tổ chức trong không gian văn hóa nông thôn hoặc đô thị để phục vụ cho mỗi đối tượng du khách.

Về tài nguyên văn hóa cư trú và kiến trúc, tùy theo địa hình, ngôi nhà của cư dân nằm trong không gian cư trú gắn với sông nước, vườn trái cây và ao cá, ruộng lúa của kiểu quần cư nông thôn, như homestay ở cù lao Ông Hổ, ấp Sray Sakoth, miệt vườn Cần Thơ, đồng bằng trũng phèn, H. Cù Lao Dung, vùng đất thấp mũi Cà Mau,... Hình thức lưu trú homestay ở điểm đến du lịch Tây sông Hậu có các loại nhà ở chủ yếu theo kiểu nhà tường, nhà sàn, và được bố trí một cách đa dạng về kiểu phòng ngủ, có phòng đón tiếp khách gắn với không gian cư trú, mặt bằng nhà ở của gia đình. Mô hình homestay

thích hợp cho các đoàn du khách lẻ, khách du lịch gia đình nhưng có giới hạn về sức chứa trong đón tiếp đoàn du khách với số lượng đông: Các hộ tham gia điểm du lịch cộng đồng cũng liên kết với nhau để đáp ứng phòng ngủ đêm, người hướng dẫn tham quan. Hộ dân làm Mương Đình homestay ở xã Nhơn Nghĩa A (H. Châu Thành A) liên kết với 10 nhà vườn trái cây để du khách trải nghiệm. Có thể nói tài nguyên văn hóa cư trú có thể được phát huy trong phát triển du lịch homestay nhằm giới thiệu văn hóa tổ chức cộng đồng địa phương cũng như góp phần xây dựng văn hóa đô thị và văn hóa nông thôn mới.

Về tài nguyên văn hóa giao thông, khu vực Tây sông Hậu có các đường tỉnh lộ ở các địa phương phát triển theo hướng song song và vuông góc với các tuyến quốc lộ, cầu cống, bến phà, bến đò ngang, bến tàu khách, bến tàu cao tốc giúp hoàn thiện các tuyến đường giao thông thủy bộ để liên kết các điểm đến du lịch, như miệt ruộng của Tứ giác Long Xuyên, miệt vườn ở Tây nam sông Hậu, miệt Thứ, vùng đất mũi Cà Mau, vùng biển đảo,... Tùy vào điểm đến du lịch, phương tiện giao thông đặc trưng có thể được sử dụng làm dịch vụ vận chuyển du lịch phục vụ du khách, như chiếc võ lãi, ca nô, chiếc xuồng, đò chèo,... để tăng thu nhập cho người dân ở điểm đến. Một chiếc ghe (đò máy) bán món ăn sáng ở chợ nổi Cái Răng có màu nâu truyền thống được sơn lại màu hồng với mong muốn buôn bán ngày càng đông, chợ nổi sung túc hơn.

Ngoài ra, những di vật, hiện vật, công cụ sản xuất trong đời sống cư dân từ thời kỳ khẩn hoang đến nay được trưng bày tại các bảo tàng, như bộ sưu tập tiền cổ thời Mạc Cửu, ngư cụ, nông cụ, bộ sưu tập 300 máy Kohler ở Cần Thơ; bộ sưu tập với 200 máy cassette, radio và 100

đền dầu cũ ở Bình Thủy; 1.100 cô vật ở Bảo tàng Cội nguồn (TP. Phú Quốc),... Bên cạnh đó, cộng đồng địa phương đã lập danh mục di tích chưa được xếp hạng để kiểm kê, như An Giang có 75 di tích chưa xếp hạng,...

Có thể nói nhiều giá trị di sản văn hóa vật thể được ghi nhận trong đời sống sinh hoạt của cư dân Tây sông Hậu nhằm tạo nét độc đáo và sự khác biệt với di tích lịch sử - văn hóa ở vùng đất Đờng Tháp Mười,... Có thể cho rằng các bên liên quan đẩy mạnh thực hiện các giải pháp triển khai tài nguyên văn hóa vật thể trong phát triển du lịch một cách hiệu quả để tăng tính cạnh tranh của điểm đến du lịch hiện nay.

3.2 Giải pháp khai thác tài nguyên văn hóa vật thể trong phát triển du lịch bền vững khu vực Tây sông Hậu

3.2.1 Khai thác tài nguyên văn hóa mưu sinh gắn với du lịch làng nghề

Nghề và làng nghề trong văn hóa mưu sinh của cư dân địa phương trải rộng trên các vùng môi sinh, như bán sơn địa Bảy Núi, vùng trũng nội đồng, Hà Tiên - Đông Hồ, U Minh, miệt vườn Cần Thơ, cù lao trên sông Hậu, giồng cát Sóc Trăng - Bạc Liêu, đất Mũi Cà Mau, đất ngập nước ven biển Đông - Tây và vùng biển đảo Tây sông Hậu. Do đó, những lợi thế đặc trưng của giá trị văn hóa mưu sinh có thể được khai thác gắn với du lịch làng nghề để đa dạng hóa sản phẩm du lịch địa phương, như nghề nuôi thủy hải sản nước ngọt - mặn - lợ, mô hình sản xuất luân canh hoặc xen canh lúa - tôm,...

Du lịch làng nghề được xem là loại hình du lịch văn hóa tổng hợp nhằm đưa du khách tới tham quan, thẩm nhận các giá trị văn hóa và mua sắm những hàng hóa đặc trưng của các làng nghề truyền thống (Phạm Quang Huy, 2014) [9]. Các bên liên quan lựa chọn mỗi nhóm nghề để khai thác sản phẩm du lịch làng nghề gắn với

đời sống cư dân, cơ sở homestay, tuyến điểm du lịch và tổ chức dịch vụ du lịch. Tùy từng nhóm nghề, du khách được tổ chức để tham gia trải nghiệm những công đoạn trong hoạt động sinh kế của cư dân theo cơ cấu mùa vụ ở mỗi địa phương, như nghề trồng lúa, nghề nuôi tôm sinh thái ở mũi Cà Mau, nghề trồng lúa kết hợp nuôi tôm, nghề muối ba khía ở Rạch Gốc, làng hoa kiểng Bà Bộ (Bình Thủy), làng nghề làm muối Đông Hải, Long Phú và Vĩnh Châu,... Chẳng hạn, du khách làm nông dân ở xã Văn Giáo (H. Tịnh Biên), thị trấn Núi Sập hoặc Óc Eo (H. Thoại Sơn), và một số địa bàn của Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang, mô hình sản xuất lúa thom - tôm sạch, tôm - rừng, rẫy hoa màu của người Hoa Triều Châu, người Khmer trên đất giồng ven biển Sóc Trăng - Bạc Liêu,...

3.2.2 Phát huy tài nguyên văn hóa ẩm thực gắn với du lịch ẩm thực

Những giá trị văn hóa ẩm thực Tây sông Hậu từ vùng biển đảo Kiên Giang - Cà Mau, giồng duyên hải Bạc Liêu - Vĩnh Châu - Sóc Trăng, miệt vườn sông Hậu, U Minh - miệt ngàn Hậu Giang, Châu Đốc - Bảy Núi,... có các món ăn từ nguồn thủy hải sản, rau màu, gia cầm, gia súc với những cách nấu món ăn khác nhau (nướng, kho, chiên xào, hấp, nấu chua, luộc, làm gỏi,...) để phát triển du lịch ẩm thực ở điểm đến Tây sông Hậu. Theo Zelinsky (1985) [17], du lịch ẩm thực (Gastronomic tourism) có nghĩa là trải nghiệm ẩm thực địa phương. Du lịch ẩm thực được xem như một tiểu loại của du lịch văn hóa, trong đó, ăn uống là một loại thực hành văn hóa, đồ ăn thức uống là một loại tài nguyên văn hóa. Du lịch ẩm thực có thể được: thực hiện qua nhiều cách thức khác nhau, dẫn dắt du khách từ đồng ruộng, vườn tược, sông nước, biển đảo và mở ra những cơ hội tự nhiên, thân mật cho du khách, để thưởng thức, tìm hiểu, chế biến ẩm

thực, thâm thía văn hóa ẩm thực của một địa phương qua gắn kết, giao tiếp với những người nông dân, ngư dân, đầu bếp thân thiện, hiếu khách (Phan Thị Thu Hiền, 2016) [11].

Du khách có thể được tổ chức để trải nghiệm không gian ẩm thực (bữa trưa / bữa tối) tại một số ngôi nhà cổ, không gian văn hóa xứ U Minh, miệt Bảy Núi, chợ nổi, chợ đêm, homestay, như nhà cổ Bình Thủy, nhà cổ ở cù lao Tân Lộc, điểm du lịch Núi Cấm, rừng trà Trà Sư,... với các loại món ăn, thức uống đặc trưng. Theo một số nhà vườn làm du lịch, “những cái chén bát bằng vỏ dừa với mẫu mã chất lượng cùng với đồ ăn phù hợp” có thể được sử dụng để phục vụ du khách.

3.2.3 Giữ gìn tài nguyên văn hóa cư trú và kiến trúc gắn với du lịch homestay

Điểm đến Tây sông Hậu có những giá trị văn hóa cư trú và kiến trúc riêng để phát triển du lịch theo hình thức lưu trú homestay nhằm giới thiệu văn hóa tổ chức cộng đồng đến du khách. Du lịch homestay là một loại hình du lịch mà khách du lịch đến sinh sống tạm thời và tham gia trực tiếp vào một số hoạt động hàng ngày của gia đình người dân bản địa trong thời gian chuyến du lịch để thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu, khám phá giá trị văn hóa bản địa (Trịnh Thị Tuyết, 2016) [14]. Du lịch homestay là một loại hình du lịch gắn với cộng đồng theo xu hướng tích cực khám phá, tìm hiểu văn hóa, cùng làm, cùng sống và trao đổi trực tiếp với người dân bản xứ (Phạm Thành Long, 2015) [10].

Trong môi trường văn hóa nông thôn Tây sông Hậu, du lịch homestay có thể được triển khai trên các dạng quần cư ở địa phương, như 100 ngôi nhà cổ ở cù lao Ông Hồ (TP. Long Xuyên), 30 ngôi nhà cổ ở cù lao Nặng Gù (H. Châu Phú), 72 căn nhà cổ ở TP. Cần Thơ (trong có 34 căn nhà cổ ở phường Bình Thủy, Q. Bình

Thủy), 30 dinh thự, biệt thự ở TP. Bạc Liêu với kiểu kiến trúc phương Tây, các nhà cổ trên cù lao Tân Lộc,... Mô hình du lịch homestay có thể được thúc đẩy triển khai ở các địa bàn có tiềm năng về tài nguyên du lịch văn hóa nông thôn, như H. Thoại Sơn, Đông Hải, TX. Vĩnh Châu, TP. Bạc Liêu,... Chẳng hạn, các vùng sâu vùng xa như vùng đất U Minh có thể phát triển loại hình homestay theo hướng lâu dài với kiểu nhà địa phương (ba gian, hai mái) nhưng không gian bên trong của ngôi nhà được cải hoán lại. Hơn nữa, các bên liên quan cần liên kết trong du lịch để giới thiệu những giá trị di sản văn hóa vật thể của vùng đất Tây sông Hậu đến du khách. Đồng thời, các tuyến du lịch cần được kết nối với các vùng dân cư người Việt - Khmer - Hoa dọc trục đường quốc lộ, tỉnh lộ xuyên qua rừng ngập mặn, đồng ruộng, vùng bán sơn địa Bảy Núi và chạy vòng quanh chân núi,... như đường Nam Sông Hậu, giồng nhần Bạc Liêu thuộc các xã Vĩnh Thành, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa,... Du khách có thể đi xe đạp hoặc được đưa đón bằng chiếc xe bò, cộ trâu theo đường lộ nông thôn để tham quan di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, như tháp Vĩnh Hưng, khu di tích khảo cổ học Óc Eo - Ba Thê,...

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Khu vực Tây sông Hậu được xem là một khu vực văn hóa trong tiểu vùng văn hóa Tây Nam Bộ. Từ những chỗ lổm sinh thái đầu tiên của người Khmer, các điểm thương mại đầu tiên của người Hoa đến vùng sinh thái lúa nước đầu tiên của người Việt, cộng đồng cư dân Khmer - Việt - Hoa - Chăm và các tộc ít người khác có sự giao thoa văn hóa một cách tự nguyện qua các hoạt động mưu sinh, ăn uống, mặc, cư trú, đi lại,... Môi trường văn hóa của cư dân Tây sông Hậu góp phần định hình đặc trưng tài nguyên văn hóa vật thể của điểm đến Tây sông Hậu để phát

triển du lịch bền vững thời kỳ hội nhập đương đại. Trên thực tế, các bên liên quan (chính quyền địa phương, doanh nghiệp du lịch lữ hành, cộng đồng cư dân làm du lịch, du khách) khai thác tài nguyên văn hóa vật thể phục vụ du lịch còn thiếu tính bền vững ở điểm đến du lịch

Tây sông Hậu. Nói chung, tài nguyên văn hóa vật thể có thể tiếp tục được triển khai trong phát triển du lịch bền vững ở các điểm đến, như Tứ giác Long Xuyên, U Minh, Tây nam sông Hậu để quảng bá du lịch Tây sông Hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Csapo, J. (2012). The Role and Importance of Cultural Tourism in Modern Tourism Industry. Trong *Strategies for Tourism Industry - Micro and Macro Perspectives*, page 201-233. InTech.
- [2] Dorin, P., B. (2014). The emergence of sustainable tourism - a literature review. *Quaestus Multidisciplinary Research Journal*, trang 131 - 140. <https://www.quaestus.ro/>
- [3] Jianwei, Q., Huawen, S. & Rob, L. (2018). Research in Sustainable Tourism: A Longitudinal Study of Articles between 2008 and 2017. <https://www.researchgate.net/>
- [4] King, T. F. (2011). *A companion to cultural resource management*. Chicester: Wiley. UW Libraries eBook.
- [5] Luật Du lịch Việt Nam số 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). (2018). Hà Nội: Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [6] Lý Tùng Hiếu (2019). *Văn hóa Việt Nam: tiếp cận hệ thống - liên ngành*. TP. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
- [7] Maria, L. (2006). *New Sustainable Tourism in Theory and Practice*, Södertörn University College.
- [8] Ngô Văn Lệ (2017). *Nghiên cứu tộc người và văn hóa tộc người - tiếp cận nhân học phát triển*. TP. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [9] Phạm Quang Huy (2014). Phát triển làng nghề du lịch với mô hình CBT năm 2013: Kinh nghiệm của Thái Lan và định hướng cho Việt Nam. Trong Võ Văn Sen, Ngô Thanh Loan, Huỳnh Quốc Thắng & cộng sự. *Làng nghề và phát triển du lịch*. TP. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [10] Phạm Thành Long (2015). Phát huy vai trò của cộng đồng nông thôn trong việc phát triển loại hình du lịch homestay tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Trong Nhiều tác giả. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Phát triển nguồn lực du lịch tiểu vùng sông Mê Kông*. TP. Hồ Chí Minh: Thông tin và Truyền thông.
- [11] Phan Thị Thu Hiền (2016). Du lịch âm thực - loại hình du lịch tăng trưởng nhanh trong thế kỷ XXI và tiềm năng, phương hướng phát triển ở Việt Nam. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Các loại hình du lịch hiện đại* do Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn và Trường Đại học Charles De Gaulle - Lille 3 tổ chức. TP. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [12] Smith, M. K. (2009). *Issues in Cultural Tourism Studies*. London & New York: Routledge.

- [13] Tài liệu điền dã. (2022). *Biên bản phỏng vấn trong chuyến đi thực tế ở các địa phương Tây sông Hậu từ ngày 27 - 30/03/2022.*
- [14] Trịnh Thị Tuyết (2016). Phát triển du lịch homestay và vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Các loại hình du lịch hiện đại* do Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn và Trường Đại học Charles De Gaulle - Lille 3 tổ chức. TP. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [15] UNWTO. (2013). *Sustainable Tourism for Development Guidebook*. Madrid, Spain. <https://www.e-unwto.org>.
- [16] Xiongbin, G. (2016). The encyclopedia of sustainable tourism, *Anatolia*, 27:4, 560-561. doi: 10.1080/13032917.2016.117.
- [17] Zelinsky. (1985). The Roving Palate: North America's Ethnic Restaurant Cuisines. *Geoforum*, 16(1).